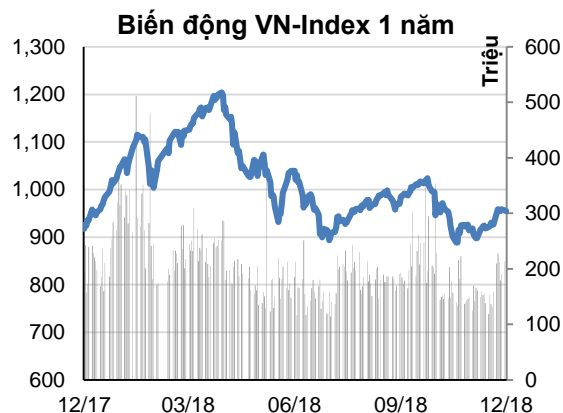


Biến động thị trường

	11/12	1T (%)	3T (%)
VN Index	955	4.4%	-3.1%
GTGD	3,972	(Tỷ đồng)	
Khối ngoại mua ròng	46	(Tỷ đồng)	

Nguồn: Bloomberg-Finpro



Tích lũy trong biên độ hẹp

- Thị trường chứng khoán tích lũy khi các chỉ số chính dao động trong biên độ hẹp. VN-Index mất 0.14% khi đóng cửa ở mức 955 điểm trong khi khối lượng giao dịch suy yếu còn 121 triệu cổ phiếu khớp lệnh tương đương 2,558 tỷ đồng giá trị.
- Độ rộng thị trường tỏ ra tiêu cực với số mã giảm vượt trội trên HSX, 174 mã giảm và 118 mã tăng. Dầu khí có diễn biến tiêu cực với tâm điểm từ GAS (-1.6%), PVT (-0.6%) và PVS (-1.5%). Trong khi đó, một số cổ phiếu bluechip như DHG, GMD, HSG, REE và ROS giảm hơn 1%.
- Ngược lại, một số cổ phiếu trong rổ VN30 như CTG, DPM, MBB, SAB và VRE đóng cửa trong sắc xanh, giúp thị trường thu hẹp đà giảm đáng kể. Ngoài ra, dòng tiền có xu hướng đi vào CTD, HBC.
- Nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục mua ròng với giá trị 46 tỷ đồng trên sàn HSX. Nhóm này tập trung mua vào E1VFN30, PVD và MSN với giá trị lần lượt là 117 tỷ đồng, 15 tỷ đồng và 14 tỷ đồng. Về phía bán, HPG, VJC và VIC bị bán ra nhiều nhất.
- **Nhận định thị trường:** Thị trường tích lũy trong biên độ hẹp khi VN-Index kiểm định lại đường trendline quan trọng. Vì thế, nhà đầu tư có thể tiếp tục nắm giữ danh mục cổ phiếu hiện tại tập trung vào nhóm cổ phiếu dẫn dắt và chờ đợi các tín hiệu xác nhận xu hướng trước khi hành động.

Trái phiếu và Hàng hóa

	11/12	1T	3T
Lãi suất TPCP 1 năm	4.113%	4.388%	4.275%
Lãi suất TPCP 3 năm	4.387%	4.645%	4.450%
Lãi suất TPCP 10 năm	5.155%	5.205%	5.225%
Dầu WTI (\$/thùng)	50.96	60.19	69.25
Vàng (\$/oz)	1,249	1,210	1,199

Nguồn: Bloomberg

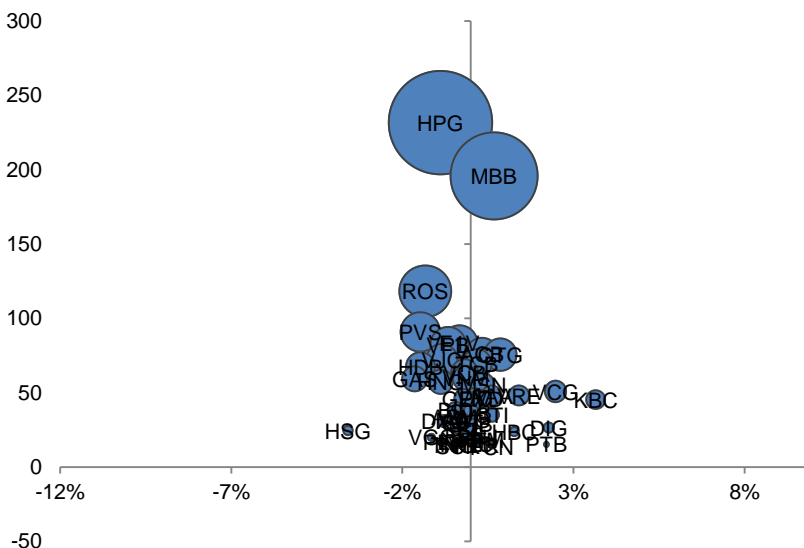
Phạm Tấn Phát

(+84 28) 3914 8585 - Ext: 1468
phat.pt@kisvn.vn
www.kisvn.vn

Trần Trương Mạnh Hiếu

(+84 28) 3914 8585 - Ext: 1464
hie.u.ttm@kisvn.vn
www.kisvn.vn

Bản đồ giao dịch



Chú thích: trục ngang – biến động giá, trục dọc – giá trị giao dịch (tỷ đồng)

Phân tích kỹ thuật

VN-Index

Hỗ trợ 1: 940-945

Kháng cự 1: 960-964

Hỗ trợ 2: 880-890

Kháng cự 2: 1,020-1,030

Quan điểm kỹ thuật 20 ngày - VN-Index



VN-Index tiếp tục nhịp dao động đi ngang ở các phiên gần đây. Mặc dù là phiên giảm điểm nhưng khối lượng đạt 127 triệu đơn vị cho thấy áp lực bán ra không thực sự mạnh và đây là nhịp tích lũy bình thường.

Ở góc độ ngắn hạn (20 ngày), VN-Index đang được hỗ trợ bởi MA(9) phiên hay ngưỡng 950 điểm. Nhịp đi ngang gần đây là hành động giá của nhịp tích lũy bình thường. Vì vậy, dự báo trong phiên ngày mai chỉ số sẽ tiếp tục đà hồi phục để kiểm chứng vùng 960-966 điểm. Tuy nhiên, lực bán dự báo sẽ xuất hiện từ vùng này khi đây là vùng cản kỹ thuật hội tụ cận trên của đường kênh giá tăng kể từ đầu tháng 11/2018 và trendline kháng cự trung hạn. Chỉ báo RSI tiếp tục suy yếu và đã cắt xuống MA(5) của chỉ báo. Đây là tín hiệu cho thấy sự suy yếu của xung lực giá. Chỉ số có thể quay lại xu hướng điều chỉnh nếu giá chinh phục thất bại vùng cản 960-966 điểm.

Ở góc độ trung hạn (3 tháng), VN-Index đang đi ngang kể từ giữa tháng 05/2018 cho tới nay. Nhịp hồi phục hiện tại vẫn đang ở dưới vùng cản trung hạn quanh 960-966 điểm. Chúng tôi tiếp tục bảo lưu quan điểm thận trọng cho tới khi tín hiệu bứt phá thành công hình thành lên trên khỏi đường xu hướng tăng trung hạn.

Hành động

VN-Index đi ngang tích lũy với xu hướng tăng ngắn hạn vẫn được bảo toàn. Tuy vậy, nhà đầu tư vẫn nên theo dõi diễn biến giá từ vùng cản kỹ thuật 960-966 điểm. Nhà đầu tư có thể cân nhắc chốt lời nếu chỉ số tiếp tục thoái lùi từ vùng 960-966 điểm và phá vỡ luôn ngưỡng 950 điểm.

Thống kê thị trường

SÀN GIAO DỊCH HSX

		Tăng / Giảm	Tăng / Giảm (%)	Thống kê tăng/giảm			
VN-Index	955	-1.31	-0.1%	SL CP tăng giá	118		
KLGD ('000 cổ phiếu)	180,822	-32,695	-15.3%	SL CP giảm giá	174		
GTGD (tỷ VND)	3,972	-990	-20.0%	SL CP không đổi	83		

Top 5 cổ phiếu Leader				Top 5 cổ phiếu Laggard				Top 5 CP thanh khoản (GD khớp lệnh)			
Mã CP	Giá	Tăng/ Giảm	Tác động Index	Mã CP	Giá	Tăng/ Giảm	Tác động Index	Mã CP	Giá	KLGD	GTGD
	VND	VND	Điểm		VND	VND	Điểm		VND	triệu cp	tỷ đồng
SAB	253,000	5,000	1.00	GAS	96,100	-1,600	-0.954	HPG	33,450	6.98	231.7
VHM	80,300	300	0.31	BVH	100,300	-1,500	-0.327	MBB	22,250	8.85	195.7
VRE	32,450	450	0.27	PLX	60,900	-500	-0.201	ROS	37,000	3.22	118.2
CTG	23,300	200	0.23	HPG	33,450	-300	-0.198	E1V	15,150	5.48	83.3
MSN	85,900	300	0.11	VJC	128,800	-1,100	-0.186	VPB	22,500	3.67	82.3

Top 5 Ngành Tăng			Top 5 Ngành Giảm		
Ngành	Tăng/ Giảm	Tác động Index	Ngành	Tăng/ Giảm	Tác động Index
	%	Điểm		%	Điểm
TD thiết yếu	0.4%	0.78	Khác	-2.0%	-0.08
Bất động sản	0.3%	0.63	Dịch vụ tiện ích	-1.7%	-1.19
TD không thiết yếu	0.2%	-0.10	Y Tế	-1.0%	-0.10
			Năng lượng	-0.7%	-0.21
			Nguyên vật liệu	-0.4%	-0.18

SÀN GIAO DỊCH HNX

		Tăng / Giảm	Tăng / Giảm (%)	Thống kê tăng/giảm			
HNX-Index	107	-0.23	-0.2%	SL CP tăng giá	77		
KLGD ('000 cổ phiếu)	31,398	2,351	8.1%	SL CP giảm giá	79		
GTGD (tỷ VND)	434	1	0.3%	SL CP không đổi	213		

Top 5 cổ phiếu Leader				Top 5 cổ phiếu Laggard				Top 5 CP thanh khoản (GD khớp lệnh)			
Mã CP	Giá	Tăng/ Giảm	Tác động Index	Mã CP	Giá	Tăng/ Giảm	Tác động Index	Mã CP	Giá	KLGD	GTGD
	VND	VND	Điểm		VND	VND	Điểm		VND	triệu cp	tỷ đồng
ACB	30,600	100	0.13	PVS	20,100	-300	-0.07	PVS	20,100	4.51	90.9
VCG	20,700	500	0.03	HHC	58,500	-6,500	-0.06	ACB	30,600	2.48	76.0
HUT	4,200	100	0.02	SHN	9,500	-500	-0.06	VCG	20,700	2.50	50.8
PVX	1,200	100	0.02	OCH	5,200	-500	-0.05	SHB	7,500	3.84	28.8
KLF	2,000	100	0.02	VGC	17,200	-200	-0.04	VGC	17,200	1.16	20.0

Top 5 Ngành Tăng			Top 5 Ngành Giảm		
Ngành	Tăng/ Giảm	Tác động Index	Ngành	Tăng/ Giảm	Tác động Index
	%	Điểm		%	Điểm
CNTT	49.5%	0.00	Tài chính	-0.1%	0.04
Dịch vụ tiện ích	8.5%	0.01			
Công nghiệp	8.2%	-0.07			
Nguyên vật liệu	6.9%	-0.03			
Bất động sản	6.8%	0.00			

Giao dịch khối ngoại

HOSE

Top 5 CP nước ngoài mua ròng

Mã CP	Giá CP	GT mua	GT bán	Mua ròng
	VND	Tỷ đồng	Tỷ đồng	Tỷ đồng
E1VFN30	15,150	118.8	0.8	117.9
PVD	16,700	16.6	0.9	15.8
MSN	85,900	19.9	5.1	14.8
KBC	14,200	11.7	0.4	11.3
VRE	32,450	68.8	59.2	9.6

Top 5 CP nước ngoài bán ròng

Mã CP	Giá CP	GT mua	GT bán	Mua ròng
	VND	Tỷ đồng	Tỷ đồng	Tỷ đồng
HPG	33,450	31.9	71.6	-39.7
VJC	128,800	1.1	28.7	-27.6
VIC	102,200	7.4	21.7	-14.3
GAS	96,100	3.4	16.4	-13.0
HDB	30,200	4.0	15.1	-11.1

HNX

Top 5 CP nước ngoài mua ròng

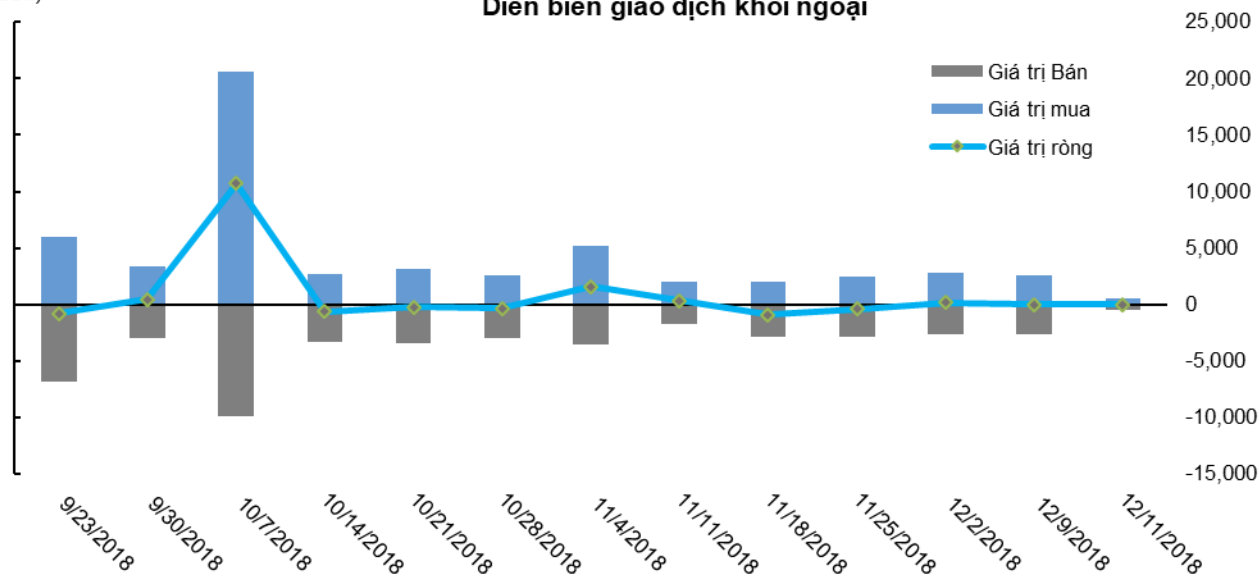
Mã CP	Giá CP	GT mua	GT bán	Mua ròng
	VND	Tỷ đồng	Tỷ đồng	Tỷ đồng
TNG	19,000	3.4	0.1	3.2
CEO	13,900	1.4	0.0	1.4
TIG	2,700	0.2	0.0	0.2
NTP	42,000	0.2	0.0	0.2
WCS	135,000	0.1	0.0	0.1

Top 5 CP nước ngoài bán ròng

Mã CP	Giá CP	GT mua	GT bán	Mua ròng
	VND	Tỷ đồng	Tỷ đồng	Tỷ đồng
PVS	20,100	0.2	6.2	-6.0
VC3	23,100	0.0	5.1	-5.1
VGC	17,200	0.0	0.5	-0.5
WCS	135,000	0.1	0.0	0.1
SHS	14,300	1.1	1.4	-0.2

(VNDbn)

Diễn biến giao dịch khối ngoại



Thị trường phái sinh

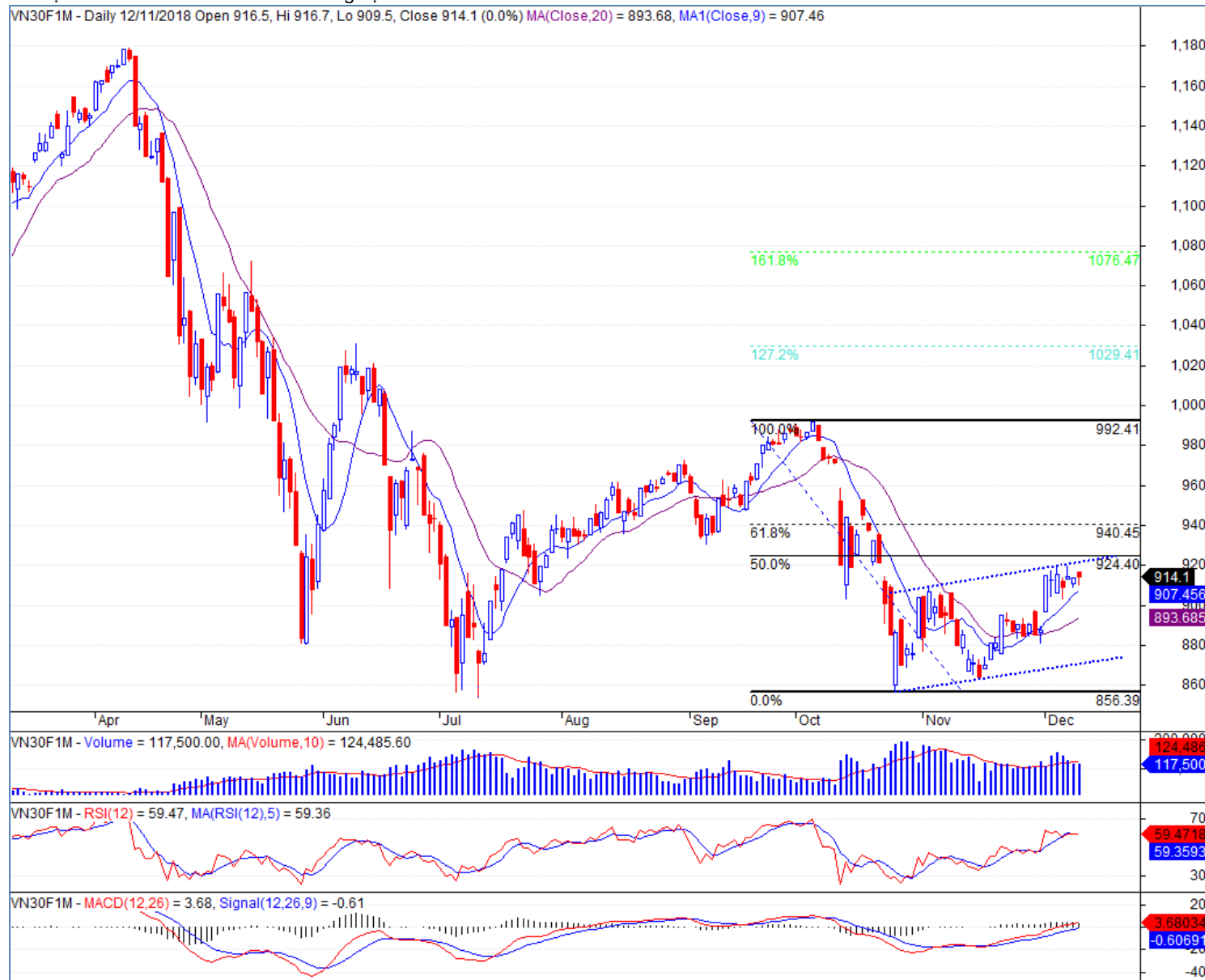
Quan điểm kỹ thuật VN30-Index

Hỗ trợ 1: 913

Kháng cự 1: 930

Hỗ trợ 2: 890

Kháng cự 2: 943



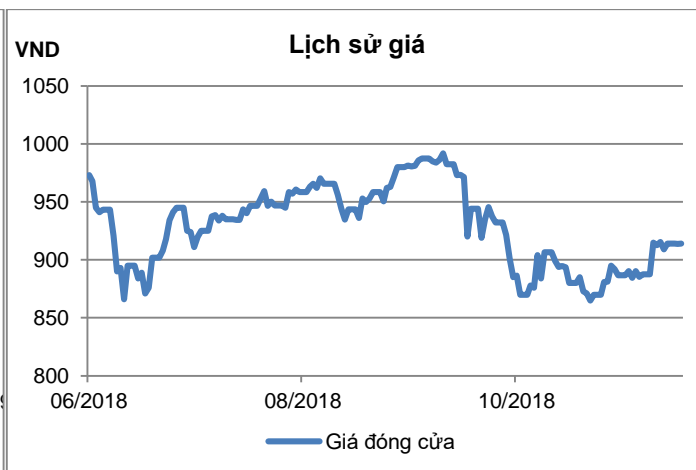
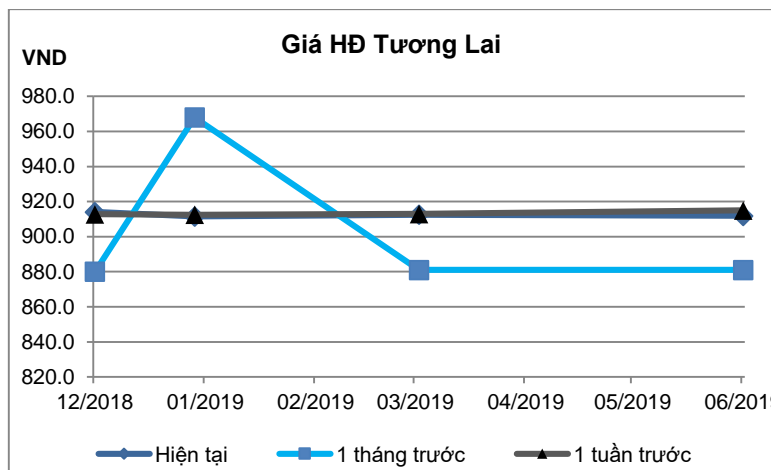
Nhận định xu hướng: VN30F1M (hợp đồng tháng 12) đang đi ngang tích lũy. Giá hồi phục về cuối phiên cho thấy bên mua vẫn đang chiếm thể chủ động. Với tín hiệu tích cực cuối phiên, giá hợp đồng tháng 12 dự kiến sẽ kiểm định lại vùng 919-921 điểm. Chỉ báo xung lực RSI cũng vừa chớm cắt xuống đường MA (5) và đã cho phân kỳ giá xuống hàm ý sự suy yếu trong đà tăng từ chỉ báo xung lực giá.

Chiến lược đầu tư: Cơ hội đầu tư có thể xuất hiện từ 2 chiều trong phiên ngày mai. Nhà đầu tư nên ưu tiên vị thế Short ở nhịp hồi phục của giá.

- Long VN30F1812 khi giá rung lắc điều chỉnh với điểm vào 914-914.3 điểm. Mục tiêu 920 điểm. Dừng lỗ 911.01
- Short VN30F1812 với điểm vào 920-921.5 điểm. Mục tiêu 911 điểm. Dừng lỗ 924 điểm.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

	Giá đóng cửa	+/-	+/- %	KLGD	KL Mờ	Ngày thanh toán cuối cùng	Thời gian còn lại
	Đơn vị: Điểm	Điểm	%	cp/hợp đồng	hợp đồng		ngày
VN30 Index	922	-0.5	-0.1%	48,776,970			
VN30F1812	914	0.2	0.0%	117,500	16,434	20/12/2018	11
VN30F1901	912	-0.5	-0.1%	654	655	17/01/2019	39
VN30F1903	913	-0.4	0.0%	45	159	21/03/2019	102
VN30F1906	912	0.8	0.1%	25	156	20/06/2019	193



DANH SÁCH CP CHỈ SỐ VN30

Mã CP	Tên	Ngành	Tỷ trọng	Giá đóng cửa	Vốn hóa	PER	PBR	KLGD 3 tháng	SH Nước Ngoài	Cao 52 Tuần	Thấp 52 Tuần
		Đơn vị:	%	VND	Tỷ VND	x	x	'000 cp	%	VND	VND
BMP	CTCP Nhựa Bình Minh	Công nghiệp	0.4%	56,700	4,642	10.2	1.9	169	77%	95,900	51,200
CII	CTCP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM	Công nghiệp	0.8%	26,400	6,460	79.5	1.3	656	54%	39,500	22,600
CTD	CTCP Xây dựng Cotecccons	Công nghiệp	1.2%	156,600	12,246	7.8	1.5	112	44%	233,100	120,400
CTG	NH TMCP Công thương Việt Nam	Tài chính	1.5%	23,300	86,755	11.3	1.2	4,324	30%	38,250	19,950
DHG	CTCP Dược Hậu Giang	Chăm sóc sức khỏe	0.5%	82,300	10,760	20.4	3.7	153	49%	118,000	81,000
DPM	TCT CP Phân bón và Hóa chất Dầu khí	Nguyên vật liệu	0.6%	21,000	8,218	14.1	1.0	568	21%	26,600	16,100
FPT	CTCP FPT	CNTT	3.5%	44,050	27,027	8.3	2.3	680	49%	56,957	38,500
GAS	TCT Khí Việt Nam	Dịch vụ tiện ích	1.6%	96,100	183,931	14.8	4.3	527	3%	136,400	70,000
GMD	CTCP Gemadept	Công nghiệp	1.3%	28,700	8,522	4.5	1.5	1,220	49%	39,473	23,000
HPG	CTCP Tập đoàn Hòa Phát	Nguyên vật liệu	7.4%	33,450	71,045	7.7	1.8	5,217	39%	48,429	27,143
HSG	CTCP Tập đoàn Hoa Sen	Nguyên vật liệu	0.3%	7,250	2,790	6.8	0.5	5,048	16%	26,136	6,300
KDC	CTCP Tập đoàn KIDO	Hàng tiêu dùng thiết yếu	0.5%	25,100	5,162	N/A	0.9	149	22%	45,800	24,250
MBB	NH TMCP Quân đội	Tài chính	4.6%	22,250	48,070	9.4	1.5	6,062	20%	31,471	18,782
MSN	CTCP Tập đoàn Masan	Hàng tiêu dùng thiết yếu	7.8%	85,900	99,915	15.9	5.1	833	40%	118,000	67,400

MWG	CTCP Đầu tư Thế Giới Di Động	Hàng tiêu dùng không thiết yếu	4.3%	87,800	37,788	13.5	4.6	646	49%	101,553	73,502
NVL	CTCP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	Bất động sản	3.7%	68,100	61,798	28.8	3.6	476	8%	78,800	46,565
PLX	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Năng lượng	1.2%	60,900	70,572	18.5	3.6	683	11%	95,500	51,800
PNJ	CTCP Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận	Hàng tiêu dùng không thiết yếu	2.3%	97,000	16,199	17.9	4.6	448	49%	138,733	75,000
REE	CTCP Cơ điện Lạnh	Công nghiệp	1.0%	32,700	10,139	6.5	1.2	502	49%	44,750	29,150
ROS	CTCP Xây dựng FLC FAROS	Công nghiệp	0.9%	37,000	21,001	28.6	3.6	1,696	2%	151,417	35,000
SAB	TCT CP Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn	Hàng tiêu dùng thiết yếu	4.2%	253,000	162,244	36.7	9.7	35	10%	321,000	193,800
SBT	CTCP Thành Thành Công - Biên Hòa	Hàng tiêu dùng thiết yếu	1.0%	20,100	9,958	23.1	1.6	2,859	11%	24,600	13,300
SSI	CTCP Chứng khoán Sài Gòn	Tài chính	1.5%	29,150	14,551	10.1	1.5	2,731	58%	44,400	24,850
STB	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín	Tài chính	3.7%	12,500	22,546	16.8	0.9	8,045	13%	17,300	9,670
VCB	NH TMCP Ngoại thương Việt Nam	Tài chính	3.5%	56,800	204,353	16.9	3.3	1,433	21%	76,500	41,600
VIC	Tập đoàn Vingroup	Bất động sản	10.9%	102,200	326,184	74.8	5.9	851	9%	113,058	57,025
VJC	CTCP Hàng không Vietjet	Công nghiệp	6.0%	128,800	69,760	13.6	6.6	662	24%	191,167	107,083
VNM	CTCP Sữa Việt Nam	Hàng tiêu dùng thiết yếu	10.7%	134,800	234,743	27.0	9.2	899	59%	179,167	111,500
VPB	NH Viet Nam Thịnh Vượng	Tài chính	7.2%	22,500	55,277	8.0	1.8	4,002	23%	43,259	18,850
VRE	CTCP Vincom Retail	Bất động sản	5.9%	32,450	75,570	50.3	2.9	1,858	39%	50,204	27,918

Lịch sự kiện

Ngày GDKHQ	Mã	Sàn	Nội dung sự kiện
12/12/2018	TID	Upcom	Giao dịch 200,000,000 cổ phiếu đăng ký giao dịch
12/12/2018	NTC	Upcom	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
13/12/2018	ICN	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1,500đ/cp)
13/12/2018	PAC	HSX	Trả cổ tức đợt 2 năm 2018 (700đ/cp)
13/12/2018	HVT	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (3,500đ/cp)
13/12/2018	UIC	HSX	Tạm ứng cổ tức bằng tiền năm 2018 (1,400đ/cp)
13/12/2018	DRC	HSX	Tạm ứng cổ tức năm 2018 (300đ/cp)
13/12/2018	KBE	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1,000đ/cp)
13/12/2018	VEC	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (500đ/cp)
13/12/2018	HC3	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1,000đ/cp)
13/12/2018	PHR	HSX	Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2018 (1,500đ/cp)
13/12/2018	GDT	HSX	Tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2018 (1,500đ/cp)
13/12/2018	DBM	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1,200đ/cp)
13/12/2018	BRR	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (250đ/cp)
14/12/2018	XHC	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (2,000đ/cp)
14/12/2018	NVL	HSX	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
14/12/2018	DGC	HNX	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
14/12/2018	QBR	Upcom	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
14/12/2018	ISH	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (600đ/cp)
14/12/2018	NFC	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (800đ/cp)

Liên hệ

Trụ sở chính

Tòa nhà TNR
Tầng 3, 180-192 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP.HCM.
ĐT: (+84 28) 3914 8585
Fax: (+84 28) 3821 6899

Chi nhánh Hà Nội

Tòa nhà CTM
Tầng 6, 299 Cầu Giấy, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
ĐT: (+84 24) 3974 4448
Fax: (+84 24) 3974 4501

Phòng khách hàng định chế

Lâm Hạnh Uyên

Trưởng phòng khách hàng Định chế
(+84 28) 3914 8585 (x1444)
uyen.lh@kisvn.vn

Khuyến cáo

Bản báo cáo này do **Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam (KIS)** phát hành với sự đóng góp của các chuyên gia của KIS được nêu trong báo cáo. Báo cáo này được viết nhằm mục đích cung cấp thông tin cho khách hàng là các tổ chức đầu tư, các chuyên gia hoặc các khách hàng cá nhân của KIS tại Việt Nam.

Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình các nhà đầu tư nên dựa vào ý kiến tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh.

Khi viết bản báo cáo này, chúng tôi dựa vào các nguồn thông tin công khai và các nguồn thông tin đáng tin cậy khác, và chúng tôi giả định các thông tin này là đầy đủ và chính xác, mặc dù chúng tôi không tiến hành xác minh độc lập các thông tin này. KIS không đưa ra - một cách ẩn ý hay rõ ràng - bất kỳ đảm bảo, cam kết hay khai trình nào và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác và đầy đủ của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này.

Các nhận định, đánh giá và dự đoán trong báo cáo này được đưa ra dựa trên quan điểm chủ quan của chúng tôi vào thời điểm đưa ra báo cáo này và có thể thay đổi bất kỳ lúc nào mà không cần báo trước.

KIS có thể đã, đang và sẽ tiếp tục thực hiện các dịch vụ tư vấn đầu tư hoặc tiến hành các công việc kinh doanh khác cho các công ty được đề cập đến trong báo cáo này. Ngoài ra, KIS cũng như các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên của KIS có liên quan đến việc viết hay phát hành báo cáo này có thể đã, đang và sẽ mua hoặc bán có kỳ hạn chứng khoán hoặc chứng khoán phái sinh (bao gồm quyền chọn) của các công ty được đề cập trong báo cáo này, hoặc chứng khoán hay chứng khoán phái sinh của công ty có liên quan theo cách phù hợp hoặc không phù hợp với báo cáo và các ý kiến nêu trong báo cáo này. Vì thế, nhà đầu tư nên ý thức rằng KIS cũng như các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên của KIS có thể có xung đột lợi ích mà điều đó có thể ảnh hưởng đến nhận định.

Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của KIS.